TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VINH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST
Ngày: 15/6/2022
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thị Thanh Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Thẩm và ông Trần Đức Hảo.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 15/6/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 31/2021/TLST-KDTM ngày 04/5/2021 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 05/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X (E);

Địa chỉ: Lầu 8, V, số 72 L, phường B, Quận 1, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1984 - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Bắc Vinh. Địa chỉ: Phòng 916, Chung cư T, khối T, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: 1. Ông Phan Văn G, sinh năm 1985.

HKTT: Khối 1, phường V, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bà Tôn Nữ Phương A, sinh năm 1983.

HKTT: Khối 19, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại K1, Trại giam số 6, Tổng cục 8, Bộ công an đóng tại huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, Người đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/12/2019 tại Ngân hàng TMCP X chi nhánh Vinh –PGD Bắc Vinh bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G đã ký kết với E Hợp đồng tín dụng từng lần

số 1616-LAV-190131733. Theo Hợp đồng E cho bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G vay số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), Thời hạn cho bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G vay: 72 tháng, tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên 13/12/2019 đến 13/12/2025. Mục đích vay: thanh toán tiền mua ô tô. Thực hiện Hợp đồng đã ký E đã giải ngân cho bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G, cụ thể: Khế ước nhận nợ số 1616-LDS-190000264 ngày 13/12/2019: Số tiền nhận nợ 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Lịch trả nợ gốc: Nợ gốc được trả thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau một tháng, kể từ 01 đến kỳ 71 số tiền được trả mỗi kỳ là 10.417.000 đồng. Kỳ cuối khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số tiền gốc của khoản vay. Lịch trả lãi là vào ngày giải ngân. Lãi suất cho vay 10%/năm được cố định trong 12 tháng đầu. Sau đó được áp dụng lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 24T + 4%/năm. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Lãi trên lãi chậm trả 10%/1 năm.

Tài sản bảo đảm là xe ô tô Mazda CX5-20GAT 2WD KW, màu đỏ, số khung RN2KW5726KM022514 số máy PE50227639 biển kiểm soát 37A-635.02 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 108018 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp cho bà Tôn Nữ Phương A ngày 10/12/2019 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 31/EIBV-TDBV-PTVT/2019 ngày 12/12/2019 đã được ký kết giữa E với bà Phương A và ông G, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng bà Phương A và ông G đã thanh toán cho E số tiền 121.873.807 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm linh bảy đồng). Trong đó trả gốc 75.314.585 đồng, trả lãi 46.559.222 đồng. Kể từ ngày 26/01/2020 bà Phương A và ông G không thanh toán nợ theo đúng cam kết. Nhiều lần E yêu cầu bà Phương A và ông G thanh toán nợ nhưng bà Phương A và ông G vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy E khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt và thu hồi nợ trước thời hạn đối với Hợp đồng tín dụng số 1616-LAV-190131733 ngày 13/12/2019 và buộc Bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G thanh toán nợ cho E cả gốc và lãi tính đến ngày 15/6/2022 là 872.386.427 đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm hai mươi bảy đồng), trong đó gốc 674.685.415 đồng, lãi trong hạn 36.960.210 đồng, lãi quá hạn 148.198.400 đồng và lãi phạt chậm trả 12.542.402 đồng. Trả ngay khi bản án có hiệu lực và tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 16/6/2022 cho đến khi bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G trả xong nợ cho E theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp Bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì E có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô Mazda CX5-20GAT 2WD KW để thu hồi nợ. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mại không đủ thanh toán nợ thì bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho E cho đến khi trả nợ xong.

Tại phiên tòa sơ thẩm. Bà Tôn Nữ Phương A vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại các bản tự khai, đơn trình bày ý kiến tại Trai giam số 6 thì bà Tôn Nữ Phương A trình bày:

Bà và ông Phan Văn G có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn vào năm 2018. Hai vợ chồng cùng ký vào Hợp đồng tín dụng từng lần số 1616 LAV

190131733 với Ngân hàng TMCP X. Theo Hợp đồng ông G và bà có vay E số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) thời gian vay 72 tháng, tính từ ngày giải ngân ngày 13/12/2019 đến 13/12/2025. Mục đích thanh toán tiền mua ô tô. Lịch trả nợ gốc được trả thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau một tháng, kể từ 01 đến 71 số tiền được trả mỗi kỳ là 10.417.000 đồng. kỳ cuối khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số tiền gốc của khoản vay, lịch trả lãi là vào ngày giải ngân. Lãi suất cho vay Lãi suất cho vay 10%/năm được cố định trong 12 tháng đầu. Sau đó được áp dụng lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 24T + 4%/năm. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Lãi trên lãi chậm trả 10%/1 năm. Bà và ông G đã vay số tiền trên để mua ô tô trả góp nhằm đi lại kinh doanh quán cà phê. Bà và ông G đã nhận xe từ Công ty Madaz số tiền vay này đã được Ngân hàng chuyển vào công ty, vợ chồng bà có ký nhận nợ theo khế ước nhận nợ của E ngày 13/12/2019. Vợ chồng bà có ký kết vào Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 31/EIBV-TDBV-PTVT/2019 ngày 12/12/2019 với E để thế chấp xe ô tô Mada CX5-20GAT

Đến nay bà và ông G đã trả cho E 121.873.807 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm linh bảy đồng), kể từ ngày 26/01/2020 thì vợ chồng bà chưa thanh toán đúng kỳ hạn và cam kết với Ngân hàng. Do hiện nay bà đang chấp hành án tại phân trại số 1 – Trại giam số 6 nên đề nghị Tòa án và Ngân hàng cho kéo dài thời gian trả nợ cho đến khi chấp hành xong án phạt tù, việc mua xe thì ông G không sử dụng xe mà bà là người sử dụng nên nếu Ngân hàng yêu cầu trả nợ thì bà xin được bàn bạc với ông G để tìm ra phương án. Về Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mada CX5-20GAT2WD-KW, màu đỏ mang Biển kiểm soát 37A 63502 đứng tên Tôn Nữ Phương A hiện đang cho anh Phan Thế C mượn. Bà không cung cấp được thông tin, địa chỉ cụ thể của người quản lý xe đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vinh và Ngân hàng tạo điều kiện cho bà thời gian để tìm kiếm thu hồi xe về để giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm và Bản tự khai ngày 22/9/2021 trong quá trình giải quyết vụ án tại ông Phan Giang trình bày: ông và bà Tôn Nữ Phương A có mối quan hệ là vợ chồng, kết hôn năm 2018. Tháng 12/2019 ông và bà Phương A có ký kết Hợp đồng tín dụng vay tiền số 1616-LAV-190131733 ngày 13/12/2019 và khế ước nhận nợ vay số tiền 750.000.0000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) mục đích vay là mua ô tô. Trong quá trình trả nợ thì bà Phương A trả nợ, trả được bao nhiêu thì ông không biết. Nay Ngân hàng yêu cầu ông và bà Phương A trả nợ tính đến ngày 15/6/2022 là 872.366.427 đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm hai mươi bảy đồng, trong đó gốc 674.685.415 đồng, lãi trong hạn 36.960.210 đồng, lãi quá hạn 148.198.400 đồng và lãi phạt chậm trả 12.542.402 đồng thì ông không đồng ý trả nợ cùng với bà Phương A, mặc dù ông thừa nhận có ký vào Hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng, tuy nhiên số tiền này bà Phương A sử dụng để mua xe trả góp, việc mua xe không sử dụng chung mà bà Phương A sử dụng riêng, ông không sử dụng xe. Đề nghị Ngân hàng yêu cầu bà Phương A trả nợ. Ông thừa nhận đã cùng bà Phương A ký vào Hợp đồng thế chấp như Ngân hàng đã trình bày để thế chấp xe ô tô bảo đảm cho khoản vay. Ông đồng ý xử lý tài sản thế chấp nếu bà Phương A không trả được nợ. Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc ông và bà Phương A tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng nếu xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông không đồng ý vì trách nhiệm trả

nợ là của bà Phương A.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử còn chậm.

Về phần nội dung: Ngân hàng TMCP X đã ký kết Hợp đồng tín dụng vay tiền số 1616-LAV-190131733 ngày 13/12/2019 với ông Phan Văn G và bà Tôn Nữ Phương A, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) cho bà Phương A và ông G theo Khế ước nhận nợ số 1616-LDS-190000264 ngày 13/12/2019. Việc ký kết Hợp đồng là tự nguyện, được pháp luật bảo vệ. Quá trình thực hiện Hợp đồng bà Phương A và ông G đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 121.873.807 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm linh bảy đồng). Trong đó trả gốc 75.314.585 đồng, trả lãi 46.559.222 đồng. Do bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 26/01/2020 đến nay nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn xử buộc bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G phải thanh toán cho E cả gốc và lãi tính đến ngày 15/6/2022 là 872.386.427 đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm hai mươi bảy đồng), trong đó gốc 674.685.415 đồng, lãi trong hạn 36.960.210 đồng, lãi quá hạn 148.198.400 đồng và lãi phạt chậm trả 12.542.402 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/6/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Nếu bà Phương A và ông G không trả được nợ thì E có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho E là 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA CX5-20GATKW màu đỏ, Biển số 37A-635.02 đứng tên bà Tôn Nữ Phương A để thu hồi nợ. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mại không đủ thanh toán nợ thì bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho E cho đến khi trả nợ xong. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp khi khởi kiện.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Tòa án thụ lý để giải quyết theo vụ án theo thủ tục kinh doanh thương mại. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án xác định bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G vay tiền với mục đích mua ô tô chứ không sử dụng tiền vay nhằm mục đích kinh doanh nên Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết vụ án nhưng theo trình tự thủ

tục của vụ án dân sự theo tinh thần của Nghị quyết 03 ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn G và bà Tôn Nữ Phương A thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã ký kết. Ông G có Hộ khẩu thường trú tại khối 1, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và bà Tôn Nữ Phương A có hộ khẩu thường trú tại khối 19, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp về Hợp đồng dân sự nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Về việc vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là bà Tôn Nữ Phương A vắng mặt do hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6 là có lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1]. Xét về yêu cầu chấm dứt Hợp đồng và thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng của E: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn bà Tôn Nữ Phương A, ông Phan Văn G về quá trình ký kết hợp đồng và nội dung của hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ do E cung cấp cho Tòa án. Do vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G là vợ chồng hợp pháp đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2018 tại UBND phường V. Bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G vay của E theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 1616-LAV-190131733 và nhận nợ theo khế ước nhận nợ số 1602-LDS-201400675 ngày 13/12/2019 số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn), Thời hạn vay: 72 tháng, tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên 13/12/2019 đến 13/12/2025. Mục đích vay: thanh toán tiền mua ô tô. Lịch trả nợ gốc: Nợ gốc được trả thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau một tháng, kể từ 01 đến kỳ 71 số tiền được trả mỗi kỳ là 10.417.000 đồng. Kỳ cuối khách hàng phải thanh toán hết toàn bộ số tiền gốc của khoản vay. Lịch trả lãi là vào ngày giải ngân. Lãi suất cho vay 10%/năm được cố định trong 12 tháng đầu. Sau đó được áp dụng lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 24T + 4%/năm. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Lãi trên lãi chậm trả 10%/1 năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G chỉ thanh toán được 121.873.807 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm linh bảy đồng). Trong đó trả gốc 75.314.585 đồng, trả lãi 46.559.222 đồng. Từ ngày 26/01/2020 bà Phương A và ông G không thanh toán cho E đúng cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 15/6/2022, bà Tôn Nữ phương Anh và ông Phan Văn G còn nợ 872.386.427 đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm hai mươi bảy đồng), trong đó gốc 674.685.415 đồng, lãi trong hạn 36.960.210 đồng, lãi quá hạn 148.198.400 đồng và lãi phạt chậm trả 12.542.402 đồng.

Tại phiên tòa và tại bản tự khai ngày 22/ 9/2021 ông G khai ông đồng ý chấm dứt Hợp đồng tín dụng theo yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên ông cho rằng dù ông đồng ý ký vào Hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng nhưng số tiền này

bà Phương A sử dụng để mua xe trả góp, việc mua xe không sử dụng chung mà bà Phương A sử dụng riêng, ông không sử dụng xe nên ông không đồng ý trả nợ cùng với bà Phương A theo yêu cầu của Ngân hàng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc ký kết hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ là đúng quy định của pháp luật. Các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn bên cho vay là Ngân hàng đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay mà hai bên đã ký. Tuy nhiên, về phía bên vay đến hạn thanh toán từ ngày 26/01/2020 đến nay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mà hai bên đã ký kết và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Việc ông G ký vào Hợp đồng tín dụng thì ông G phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng nên ý kiến của ông G không có cơ sở để chấp nhận. Xác định đây là khoản nợ chung của ông G và bà Phương A nên ông G cũng phải có nghĩa vụ trả nợ cùng với bà Phương A. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ theo các quy định của pháp luật cần được chấp nhận cần tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng và buộc bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng E tính đến ngày 15/6/2022 với số tiền 872.386.427 đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm hai mươi bảy đồng), trong đó gốc 674.685.415 đồng, lãi trong hạn 36.960.210 đồng, lãi quá hạn 148.198.400 đồng và lãi phạt chậm trả 12.542.402 đồng. Bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G còn tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn đối với số tiền gốc tương ứng theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết.

[2.2]. Xét về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của E:

Tài sản thế chấp là xe ô tô Mazda CX5-20GAT 2WD KW, màu đỏ, số khung RN2KW5726KM022514 số máy PE50227639 biển kiểm soát 37A-635.02 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 108018 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp cho bà Tôn Nữ Phương A ngày 10/12/2019 xác lập theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 31/EIBV-TDBV-PTVT/2019 ngày 12/12/2019, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng từng lần số 1616-LAV-190131733 và nhận nợ theo khế ước nhận nợ số 1602-LDS-201400675 ngày 13/12/2019.

Bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G đều thừa nhận việc ký kết Hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho bà Phương A và ông G vay vốn ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy các bên tham gia ký kết hợp đồng thế chấp đều có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được công chứng, có đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Như vậy, trong trường hợp bà Phương A và ông G không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu

cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

Bà Phương A khai hiện nay xe xe ô tô Mazda CX5 đang cho anh Phan Thế C mượn. Tuy nhiên Bà Phương A và ông G không cung cấp được thông tin, địa chỉ cụ thể của người quản lý xe theo yêu cầu của Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay chưa tìm thấy xe ô tô Mazda CX5 là tài sản thế chấp đang do ai quản lý nên trường hợp tìm thấy thì Cơ quan thi hành án có thẩm quyền có quyền thu hồi và xử lý bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp khi bà Phương A và ông G không trả hoặc trả nợ không đầy đủ.

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mại không đủ thanh toán nợ thì bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho E cho đến khi trả nợ xong.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Phan Văn G và bà Tôn Nữ Phương A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 220, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 điều 4 Luật thương mại; Các điều 299, 318, 319, 320, 463, 466, 468, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấm dứt hợp đồng đối với Hợp đồng tín dụng từng lần số 1616-LAV-190131733 ngày 13/12/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP X với Bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G.

2. Bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP X toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi liên quan đến Hợp đồng tín dụng từng lần số 1616-LAV-190131733 ngày 13/12/2019 và Khế ước nhận nợ số 1616-LDS-190000264 ngày 13/12/2019 đã ký kết, tính đến ngày 15/6/2022 với số tiền là 872.386.427 đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm hai mươi bảy đồng), trong đó gốc 674.685.415 đồng, lãi trong hạn 36.960.210 đồng, lãi quá hạn 148.198.400 đồng và lãi phạt chậm trả 12.542.402 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/6/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: xe ô tô Mazda CX5-20GAT 2WD KW, màu đỏ, số khung RN2KW5726KM022514 số máy PE50227639 biển kiểm soát 37A-635.02 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 108018 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp cho bà Tôn Nữ Phương A ngày 10/12/2019 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 31/EIBV-TDBV-PTVT/2019 ngày 12/12/2019.

4. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mại không đủ thanh toán nợ thì bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP X cho đến khi trả nợ xong.

5. Án phí: Buộc Bà Tôn Nữ Phương A và ông Phan Văn G phải chịu 38.171.000 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm bảy mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP X 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Vinh theo Biên lai thu tiền số: AA/2020/0003391 ngày 29/4/2021.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP X (E) và ông Phan Văn G có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Tôn Nữ Phương A có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Vinh*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Chi cục THA dân sự TP Vinh;*
- *Lưu HSVA.*

Hà Thị Thanh Hương